

Bản án số:58/2017/HSST
Ngày 01/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lương Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:* - 1. Bà **Ngô Thị Nguyệt.

-2. Ông **Phạm Công Chấn**.

** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Thu Trang** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:*

Ông **C Minh Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2017/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn L** sinh năm 1993; Tên gọi khác: Không.

Sinh, trú quán: Thôn Đ, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không.

Trình độ văn hoá: 12/12.

Bố đẻ: **Lương Tuấn H**, sinh năm 1971.

Mẹ đẻ: **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1969.

Anh chị em ruột: Có 03 chị em, bị cáo là thứ hai.

Vợ: **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1996 (Đã ly hôn).

Con: **Lương Thị Tố U**, sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2017, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Hiện có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Anh **Hoàng Quốc T** – Sinh năm 1993 (Có mặt).

Trú quán: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị **Lương Thị B** – Sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Trú quán: Thôn Đ, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh **Tạ Xuân C** – Sinh năm 1994(Vắng mặt).

Trú tại: Thôn L, xã G, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Lương Tuấn H** – Sinh năm 1971(Vắng mặt).

Trú quán: Thôn Đ , xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

2. **Cám Tết D** – Sinh năm 1982(Có mặt).

Trú tại: Thôn Đ , xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

3. **Giáp Văn E** – Sinh năm 1986(Vắng mặt).

Trú tại: Thôn L , xã G, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

4. **Nguyễn Đức P** – Sinh năm 1993(Vắng mặt).

Trú tại: Thôn H , xã G, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

5. **Vi Trọng K** – Sinh năm 1996(Vắng mặt).

Trú tại: Thôn H , xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

6. **Đặng Công F** – Sinh năm 1990(Vắng mặt).

Trú tại: Khu L, thị trấn C , huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lương Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/02/2017 đến ngày 25/3/2017, Lương Văn L, sinh năm 1993, trú tại Thôn Đ , xã T, huyện Lục Ngạn đã nhiều lần thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Trộm cắp tài sản”, tại xã T và thị trấn C , huyện Lục Ngạn, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 09 giờ ngày 14/02/2017, Lương Văn L và đối tượng tên là G , trú tại huyện N, tỉnh Bắc Giang (hiện chưa xác định được rõ địa chỉ) cùng nhau đi chơi đến trước cửa nhà nghỉ O thuộc khu L, thị trấn C , huyện L thì G gọi điện cho anh Hoàng Quốc T, sinh năm 1993, trú tại thôn K, xã T, bảo anh T đến đón L và G đi chơi (anh T là bạn của L và bạn mới quen của G). Khoảng 15 phút sau thì anh T điều khiển xe ô tô tải đến và đưa L và G lên xã H, huyện L chơi. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì anh T chở L và G từ xã H về trước cửa nhà anh C Xuân J, sinh năm 1988, trú tại khu T, thị trấn C (anh J là anh trai của anh T). Sau đó anh T xuống xe ô tô và đi vào trong nhà anh J dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da Super Dream, biển kiểm soát 98L3 - 96XX của mình gửi ở nhà anh J ra đường, thì L và G hỏi anh T cho mượn xe máy để đi về nhà L vay tiền đi chơi, anh T đồng ý cho L và G mượn xe máy của mình. Khi mượn được xe máy của anh T thì L kèm G đi về nhà mình để vay tiền. Khi về đến nhà L do không vay được tiền nên L và G nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô của anh T đi cầm cố lấy tiền chi tiêu. Thực hiện ý định trên L kèm G đến hiệu cầm đồ của anh Giáp Văn E, sinh năm 1986, trú tại Thôn L , xã G, huyện Lục Ngạn rồi L vào cầm cố chiếc xe mô tô mượn của anh T cho anh E lấy 3.000.000đ. Cầm cố được xe mô tô có tiền L quay ra đưa cho G 1.500.000đ, còn L cầm giữ lại 1.500.000đ, sau đó G ra đón xe buýt đi về N , còn L thì đón xe buýt đi xuống thành phố B chơi, số tiền cầm cố xe mà có L đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với chiếc xe mô tô của anh T mà L cầm cố cho anh E, sau khi L cầm cho anh E do thời gian lâu không thấy L quay lại chuộc xe anh E đã bán cho một người không rõ tên tuổi địa chỉ được 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Sau khi cho L và G mượn xe mô tô lâu không trả, anh T đã nhiều lần đòi nhưng L không trả nên anh T đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Lục Ngạn.

Ngày 29/3/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 77/CSĐT đối với chiếc xe mô tô mà L đã chiếm đoạt của anh T. Tại kết luận định giá tài sản số 79, ngày 29/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn xác định: Giá trị của chiếc xe mô tô trên ở vào thời điểm bị chiếm đoạt là **14.500.000đ** (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần 2: Khoảng 16 giờ ngày 18/02/2017, anh Vi Trọng K, sinh năm 1996, trú tại thôn H, xã G, huyện L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu đen, biển kiểm soát 98E1- 499.XX (là xe mượn của anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1993 ở cùng thôn) chở anh Nguyễn Minh Z, sinh năm 1999 ở cùng thôn H đi từ nhà xuống quán cắt tóc của anh X ở thôn T, xã N, huyện L để cắt tóc. Khi đến quán cắt tóc thì anh K ngồi vào ghế để cắt tóc, còn anh Z ngồi chơi ở quán, anh K có đưa chìa khóa xe mô tô cho anh Z cầm. Khi anh K đang cắt tóc thì có anh Tạ Xuân C, sinh năm 1994, trú tại thôn L, xã G, huyện Lục Ngạn (là bạn của anh K) cùng Lương Văn Đến quán cắt tóc đó chơi. Khi anh C và L đi vào trong quán cắt tóc thì anh C kêu đòi và hỏi mượn xe mô tô của anh K để đi mua mì tôm về nấu ăn, thì anh K đồng ý, nên C quay ra lấy chìa khóa xe mô tô của anh K do anh Z đang cầm giữ và đi ra cửa quán cắt tóc nổ xe mô tô đi. Khi anh C đang nổ máy xe thì L cũng chạy từ trong quán cắt tóc ra nói với anh C là cho đi nhờ để đi mua thuốc đau đầu về uống thì anh C đồng ý cho L đi cùng. Anh C chở L bằng xe mô tô mượn của anh K đi từ quán cắt tóc X ở thôn T, xã N đi xuống thị trấn C, trên đường đi L nảy sinh ý định mượn chiếc xe mô tô của anh C để mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu. Thực hiện mưu đồ trên L bảo với anh C “Ăn mì tôm làm gì, vào quán mà ăn phở tý tao trả tiền cho”. Tin là L nói thật, khi anh C chở L đến gần cổng chợ Chũ thì anh C rẽ vào một quán phở để ăn phở, thì L bảo với anh C là cho L mượn xe mô tô để L đi mua thuốc đau đầu về uống, anh C đồng ý và giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu đen, biển kiểm soát 98E1- 499.XX vừa mượn được của anh K cho L mượn đi, còn anh C đi vào quán phở gọi một bát phở ra ăn. Sau khi mượn được xe mô tô của anh C, L điều khiển đi đến một hiệu bán thuốc tân dược ở gần cổng chợ Chũ rồi vào quán mua thuốc, sau đó L quay ra đi thẳng xe mô tô mượn được của anh C đến nhà anh Đặng Công F, sinh năm 1990, trú tại khu L, thị trấn C cầm cố chiếc xe mô tô cho anh Kiến lấy 3.000.000đ (Ba triệu đồng) rồi đi bộ ra đường Quốc lộ 31 đón xe buýt đi xuống T phố Bắc Giang chơi, số tiền cầm cố xe mô tô có được sau đó L đã chi tiêu cá nhân hết.

Đối với anh Vi Trọng K, sau khi cho anh Tạ Xuân C mượn chiếc xe mô tô, khi cắt tóc xong đợi lâu không thấy anh C mang xe máy về trả nên anh K và anh Nguyễn Minh Z đã đi xuống thị trấn C tìm anh C thì thấy anh C đang ngồi ăn phở ở quán. Khi gặp anh C thì anh K có hỏi là xe mô tô đâu sao lâu về thế, thì anh C có nói là cho L mượn xe mô tô nhưng chưa thấy mang về trả, sau đó anh K, anh C, anh Z ngồi đợi

L khoảng 30 phút nhưng không thấy L quay lại nên đã cùng nhau đi tìm xung quanh thị trấn C nhưng không thấy. Sau nhiều lần tìm L nhưng không gặp, ngày 20/03/2017 anh K đã làm đơn trình báo Công an huyện Lục Ngạn. Qua tìm hiểu biết L cầm chiếc xe mô tô mà L mượn của anh C cho anh F nên anh K đã đến chuộc lại chiếc xe mô tô trên với số tiền là 11.000.000đ, sau khi chuộc được xe mô tô anh K đã mang về trả cho anh Nguyễn Đức P.

Ngày 29/03/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô mà L đã mượn của anh C rồi mang đi cầm cố. Tại Kết luận định giá tài sản số 81, ngày 29/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn xác định: Giá trị của chiếc xe mô tô trên ở thời điểm bị chiếm đoạt là **19.530.000đ** (Mười chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Lần 3: Buổi trưa ngày 25/03/2017, chị Lương Thị B, sinh năm 1989, trú tại Thôn Đ, xã T, huyện L (chị B là chị gái Lương Văn L), có đến nhà bố đẻ là ông Lương Tuấn H ở cùng thôn chơi (Ông H ở cùng nhà với L), sau đó chị B ngủ trưa tại nhà ông H. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì L thấy chị B để trùm chìa khóa cửa nhà tại bàn uống nước nhà mình nên L lấy trùm chìa khóa của chị B rồi đi bộ từ nhà mình đến nhà chị B cách đó khoảng hơn 100m để mở cửa kho để đồ dùng của nhà chị B lấy xe mô tô của L gửi ở đó (kho đồ dùng nhà chị B làm giáp liền với nhà ở chị B). Khi sang đến nhà chị B thì L mở cửa kho đồ dùng thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave an pha màu đỏ, biển kiểm soát 98E1- 268.XX của chị B dựng gần chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Drem, không có biển số của L. L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của chị B để mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu. Thực hiện ý định trên, L dắt chiếc xe mô tô của L ra cửa rồi gọi điện cho anh Nguyễn Văn W, sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã T (là bạn của L), nói với anh W là “xuống nhà anh đi hộ anh chiếc xe mô tô ra Lim” thì anh W đồng ý, sau đó anh W đi xe máy của mình ra ngã ba thôn Đ, xã T gửi ở một nhà gần đó, còn L đi xe mô tô của L đến ngã ba thôn Đồng lách đón - chờ anh W đến cổng nhà chị B thì L dừng xe máy lại nói với anh W đi xe mô tô của L ra ngã ba Thôn L, xã G hộ L, anh W đồng ý và đi xe mô tô của L ra ngã ba Thôn L, xã G rồi chờ L ở đó, còn L quay vào dắt chiếc xe máy của chị B ra rồi đi đến ngã ba Thôn L. Khi L đi xe máy của chị B ra đến ngã ba Thôn L, xã G thì gặp anh W ở đó, L có nói với anh W là “vừa cậy cửa nhà chị B lấy được chiếc xe máy này”, nghe L nói vậy thì anh W không đồng ý nên trả lại xe máy cho W và đi về nhà, còn L thì mang chiếc xe máy trộm cắp được của chị B vào nhà anh Giáp Văn E, sinh năm 1986, trú tại Thôn L, xã G cầm cố cho anh E lấy 5.000.000đ. Cầm cố được xe mô tô có tiền L đi xuống thành phố B chơi, số tiền cầm xe mô tô được L đã chi tiêu cá nhân hết.

Đối với chị Lương Thị B, sau khi ngủ trưa tại nhà ông Lương Tuấn H dậy, đến khoảng 15 giờ cùng ngày, chị B đi về nhà mình thì phát hiện bị mất xe máy nên chị B đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Lục Ngạn. Sau khi tìm hiểu biết L cầm ký

chiếc xe mô tô của chị B cho anh E nên anh Cám Tệt D (là chồng của chị B) và ông Lương Tuấn H đã đến chuộc lại chiếc xe với số tiền 6.000.000đ.

Ngày 29/03/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô mà L đã trộm cắp của chị B. Tại Kết luận định giá tài sản số 80, ngày 29/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn xác định: Giá trị của chiếc xe mô tô trên ở thời điểm chiếm đoạt là **12.390.000đ** (Mười hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 59/KSĐT ngày 07 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Lương Văn L về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138; tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139 và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lương Văn L khai nhận đúng hành vi phạm tội và thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, đúng người, đúng tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Phát biểu luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã phân tích tính chất vụ án giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng đối với bị cáo và đề xuất ý kiến xử phạt bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 139; khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Lương Văn L từ 07 đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; từ 08 đến 10 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", từ 06 đến 08 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Tổng hợp bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội từ 21 đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/5/2017.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lương Văn L phải bồi thường cho anh Hoàng Quốc T số tiền 10.000.000đồng, bồi thường cho anh Vi Trọng K số tiền là 11.000.000đồng.

Sau khi thẩm tra toàn diện đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ. Nghe lời khai nhận của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lương Văn L khai nhận về việc thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đủ căn cứ khẳng định:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/02/2017, Lương Văn L đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon DaSuper Dream, biển kiểm soát 98L3 - 96XX của anh Hoàng Quốc T trị giá **14.500.000đ** (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Khoảng 16 giờ ngày 18/02/2017, Lương Văn L đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu đen, biển kiểm soát 98E1- 499.XX của anh Tạ Xuân C trị giá **19.530.000đ** (Mười chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Khoảng 14 giờ ngày 25/03/2017, Lương Văn L đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave an pha màu đỏ, biển kiểm soát 98E1-268.XX của chị Lương Thị B trị giá **12.390.000đ**. (Mười hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng)

Như vậy, hành vi lạm dụng sự tin tưởng của anh T đối với L và cho L mượn xe, L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, mang đi thế chấp lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi lợi dụng sự quen biết với anh Tạ Xuân C, L đã dùng thủ đoạn gian dối để mượn xe mô tô mang đi thế chấp lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở của chị B tự ý lấy chìa khóa mở cửa để lấy trộm xe máy của chị mang đi thế chấp lấy tiền tiêu sài cá nhân của bị cáo Lương Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 138; tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 139 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an ở địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân trong quản lý tài sản nên phải lên một bản án nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không chịu lao động , rèn luyện mà còn liên tục thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, nên bị cáo phải chịu hình phạt theo quy định của từng tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, thấy rằng bị cáo có thái độ khai báo T khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Do chỉ trong thời gian ngắn, bị cáo đã liên tiếp thực hiện nhiều hành vi phạm tội về tài sản nên cần phải áp dụng điều 33 Bộ luật hình sự cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cao hơn mức khởi điểm mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với đối tượng tên là G cùng L chiếm đoạt tài sản của anh T ngày 14/02/2017, quá trình điều tra L và anh T đều khai là mới quen biết G nên không biết rõ tên tuổi, địa chỉ của G ở đâu, chỉ biết là ở huyện N nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Giáp Văn E là người đã cầm cố chiếc xe mô tô mà L mượn của anh T, do khi cầm cố chiếc xe mô tô trên cho L, anh E không biết chiếc xe đó là do L phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Tạ Xuân C là người đã mượn chiếc xe mô tô của anh Vi Trọng K sau đó bị L dùng thủ đoạn gian dối mượn lại của anh C và mang chiếc xe mô tô đó đi cầm lấy tiền chi tiêu, quá trình điều tra xác định khi cho L mượn xe mô tô anh C không biết L mượn xe mô tô để đi cầm cố nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Đặng Công F là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô của L mượn của anh C, nhưng khi nhận cầm xe mô tô của L, anh F không biết chiếc xe mô tô đó là do L phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn W là người đã đi chiếc xe mô tô của L ra ngã ba Thôn L, xã G hộ L, quá trình điều tra xác định khi L nhờ anh W đi xe mô tô của L ra ngã ba Thôn L, xã G hộ, anh W không biết việc L trộm cắp xe mô tô của chị B nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Giáp Văn E là người đã cầm cố chiếc xe mô tô mà L trộm cắp chị Lương Thị B, quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên cho L, anh E không biết chiếc xe đó là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da Super Dream, biển kiểm soát 98L3 - 96XX của anh Hoàng Quốc T, sau khi L mượn của anh T và mang đi cầm cố cho anh E, do thời gian lâu không thấy L quay lại chuộc xe anh E đã bán cho một người không rõ tên tuổi địa chỉ, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa thu hồi được.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu HonDa Wave anpha, màu đen, biển kiểm soát 98E1- 499.XX của anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1993 ở thôn H, xã G, sau khi biết L cầm chiếc xe mô tô cho anh F, anh K đã đến chuộc lại và mang về trả lại cho anh P.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa, Wave an pha màu đỏ, biển kiểm soát 98E1- 268.XX của chị B, sau khi biết L cầm cố cho anh E, anh Cầm Tệt D (là chồng chị B) và ông Lương Tuấn H đã đến nhà anh E chuộc về.

Về trách nhiệm dân sự: Do chiếc xe L mượn của anh T mang đi cầm cố, nay chưa tìm lại được và Hoàng Quốc T yêu cầu Lương Văn L phải bồi thường cho anh số tiền 10.000.000đồng nên cần buộc L phải bồi thường cho anh T số tiền trên.

Chiếc xe L mượn của anh C, anh K đã bỏ tiền ra chuộc lại xe trả cho anh P và anh K yêu cầu L phải bồi thường cho anh số tiền 15.000.000đồng, nhưng anh F xác định L đã cầm chiếc xe trên với giá 11.000.000đồng và anh K xác định đã chuộc lại chiếc xe trên với giá 11.000.000đồng nên yêu cầu bồi thường 15.000.000đồng của anh K là không có căn cứ, cần buộc L bồi thường cho anh K số tiền 11.000.000đồng.

Đối với chiếc xe mô tô L trộm của chị B, anh Cầm Tệt D (là chồng chị B) và ông Lương Tuấn H đã đến nhà anh E chuộc về, nay chị B, anh D và ông H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lục ngạn:

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Lương Văn L phạm tội “ Trộm cắp tài sản”; “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” .

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 139; khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lương Văn L 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 10 (mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 08 (tám) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/5/2017.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lương Văn L phải bồi thường cho anh Hoàng Quốc T số tiền 10.000.000đồng, bồi thường cho anh Vi Trọng K số tiền là 11.000.000đồng.

* Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Các điều 3; 21; 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lương Văn L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.050.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện lục ngạn;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc Hà